

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 21-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mùa Thị Máy và ông Nguyễn Đức Mích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Long, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2018/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Đinh Văn S, sinh năm 1976; tại huyện B, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: không đi học; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Đinh Văn K, sinh năm 1939 và bà Đinh Thị E, sinh năm 1941; có vợ Đinh Thị V, sinh năm 1979 và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án: Ngày 04/5/2006 bị Tòa án nhân dân (TAND) huyện B, xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 28/6/2007 bị TAND huyện B, xử phạt 30 tháng tù về hai tội “Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt hai bản án là 39 tháng tù; ngày 26/9/2013 bị TAND huyện B, xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2011 bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện thời gian 24 tháng; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2018 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Đinh Thị C, sinh năm 1986, nơi cư trú: bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người làm chứng: Đinh Thị V, Mùi Thị L, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/02/2018, Đinh Văn S đi bộ đến nương rẫy thuộc bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La. Thấy có một đàn bò, quan sát xung quanh không người, S liền đi đến gần đàn bò thì thấy 01 con bò giống cái, lông màu vàng khoảng 5 đến 6 năm tuổi đã được buộc dây thừng ở mũi, S cầm một đầu dây thừng dắt con bò đi buộc vào một hòn đá cách lán nương của gia đình Lù A C khoảng 05 mét rồi đi vào lán nương của anh C uống nước. Tại đây, S chỉ vào con bò và hỏi “đây có phải con bò của ông không”, anh C trả lời “không phải đâu...”. Sau khi xác định không phải bò của anh C, S tiếp tục dắt con bò đi thêm khoảng 200 mét rồi buộc vào một gốc cây rừng và đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, S cầm theo 01 con dao mũi bằng, 01 chiếc đèn pin và 01 chiếc bao tải đi đến chỗ buộc con bò tiếp tục dắt con bò đi đến khu vực nương rẫy thuộc địa phận bản N, xã T, huyện M rồi giết chết con bò; S dùng dao cắt 04 đuôi bò rồi cho vào bao tải mang đi bán cho 02 người đàn ông không biết tên và địa chỉ được 1.800.000 VNĐ; có được tiền S đi mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân hết.

Phát hiện bị chiếm đoạt tài sản ngày 15/02/2018, chị Đinh Thị C có đơn trình báo đề nghị cơ quan chức năng xác minh làm rõ, xử lý đối với Đinh Văn S, yêu cầu S phải bồi thường con bò trị giá 16.000.000VNĐ.

Tiến hành xác minh, ngày 16/02/2018 Công an xã C đã đến hiện trường và thu giữ vật chứng là vật phẩm (da thịt, xương) còn lại của con bò cân tịnh được 64 kg, vật phẩm có màu nâu đen, mùi hôi thối nên đã lập biên bản và tiêu hủy, đồng thời chuyển toàn bộ tài liệu đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B để điều tra theo thẩm quyền. Cùng ngày cơ quan chức năng đã tiến hành điều tra, khám nghiệm hiện trường thu giữ vật chứng: Thu giữ tại hiện trường gồm 01 đoạn dây thừng màu xanh dài 03m, đường kính 1,3cm; 01 đoạn dây thừng màu trắng đục dài 1,6m, đường kính 0,8cm. Thu giữ với Đinh Văn S 01 con dao mũi bằng, dài 45cm; 01 đèn pin loại có dây đeo trên đầu, màu xanh và 01 sợi dây thừng màu xanh, dài 34cm, đường kính 1,3cm.

Ngày 26/02/2018 Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận về giá trị tài sản định giá: 01 con bò cái, lông màu vàng, 6 năm tuổi, trọng lượng ước đạt 108 kg giá trị là 11.880.000VNĐ.

Ngày 21/02/2018 chị Đinh Thị V (vợ của S) đã thoả thuận và bồi thường thiệt hại cho bị hại Đinh Thị C là 01 con bò cái giá trị tương đương con bò bị S chiếm đoạt.

Bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-BY ngày 30/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Đinh Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức hạn chế, không có tiền chi tiêu nên nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đinh Văn S. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng điểm g khoản 2

Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Đình Văn S từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù; không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận chính quyền xã C đã tiêu hủy 64 kg vật phẩm còn lại của con bò; chấp nhận gia đình bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản; tịch thu và tiêu hủy 01 đoạn dây thừng màu xanh dài 03m; 01 đoạn dây thừng màu trắng đục dài 1,6m; 01 sợi dây thừng màu xanh dài 34cm; 01 con dao mũi bằng và 01 đèn pin; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện B; xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm được tái hòa nhập cộng đồng, không yêu cầu ghi nhận sự thỏa thuận về bồi thường thiệt hại.

Bị hại chị Đình Thị C tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát, xin cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất, gia đình bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản, đã nhận đủ và không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản nhận dạng vật chứng, lời khai bị hại, người làm chứng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa, xác định: khoảng 14 giờ ngày 14/02/2018, bị cáo S đi bộ đến nương rẫy thuộc bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; quan sát thấy vắng người bị cáo đã dắt lấy 01 con bò giống cái, lông màu vàng, 6 năm tuổi mang đến khu vực nương rẫy thuộc địa phận bản N, xã T, huyện M rồi giết thịt con bò, cắt lấy 04 đùi mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Theo kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐG ngày 26/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện B: con bò cái, lông màu vàng, 6 năm tuổi, trọng lượng ước đạt 108 kg giá trị là 11.880.000VNĐ. Như vậy, bị cáo Đình Văn S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong

quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản có giá trị là 11.880.000VNĐ; đã xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đinh Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tại bản án số 18/2013/HSST ngày 26/9/2013 của TAND huyện B xử phạt bị cáo Sầu 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng định khung là “Tái phạm nguy hiểm”; ngày 04/7/2017 bị cáo chấp hành xong hình phạt về địa phương lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo chưa được xoá án tích nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 “Đã tái phạm, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý” đã phạm tình tiết định khung tăng nặng tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm: g) Tái phạm nguy hiểm”.

[3] Về tính chất mức độ của hành vi: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã được cải tạo, giáo dục rèn luyện bản thân nhiều lần, được tái hòa nhập cộng đồng nhưng không thấy đó làm bài học để tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện, lao động, làm ăn lương thiện phát triển kinh tế gia đình mà ý thức coi thường kỷ cương xã hội, pháp luật của Nhà nước, ăn chơi đua đòi, thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác; với lỗi cố ý trực tiếp bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản có trị giá là 11.880.000VNĐ, mục đích lấy tiền chi tiêu cá nhân, khi thực hiện hành vi phạm tội có sự tính toán và chuẩn bị trước; Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, tái phạm nguy hiểm lần thứ 2. Tội phạm bị cáo thực hiện đã hoàn thành, hậu quả xảy ra không những xâm phạm quyền sở hữu, làm thiệt hại về tài sản của chị C là con bò do Nhà nước hỗ trợ theo chương trình giảm nghèo mà còn làm ảnh hưởng đến chính sách về giáo dục cải tạo người phạm tội của Nhà nước, ảnh hưởng xấu về trật tự an toàn xã hội, trật tự trị an ở địa phương nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo S theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo S phạm tội và đề nghị phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân: Bị cáo không có tiền sự; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại (bị cáo tác động gia đình bồi thường con bò); thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), chấp hành tốt nội quy, quy định nhà tạm giữ, tạm giam, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt. Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo là người dân lao động, dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, xa, nhận thức pháp luật hạn chế, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuổi đời bị cáo còn trẻ cần thiết giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm. Do

đó, xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo có nhân thân xấu (03 lần bị kết án chưa được xóa án tích, đã bị xử lý hành chính), nghiện ma túy, không có khả năng tự cải tạo nên cần cách ly ra ngoài xã hội một thời gian để đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội và cũng nhằm răn đe, phòng ngừa, giáo dục cho hành vi tương tự.

[6] Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp ngăn chặn: cần áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/02/2018 được xem xét khấu trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

[8] Đối với hành vi bị cáo khai nhận được mua trái phép chất ma túy với một người đàn ông không biết tên ở khu vực bản S, xã C, huyện B, số ma túy đã sử dụng hết và hai người đàn ông được mua bán 04 đùi thịt bò với S tại khu vực bản N, xã T, huyện M; cơ quan chức năng đã điều tra, xác minh nhưng không có cơ sở chứng minh, xử lý.

[9] Vật chứng của vụ án:

64 kg vật phẩm (da thịt, xương) còn lại của con bò bị Đinh Văn S chiếm đoạt, giết thịt để lại hiện trường có màu nâu đen, mùi hôi thối đã được Công an xã C đã tiêu hủy; xét thấy việc tiêu hủy là không đúng thẩm quyền về xử lý vật chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng thực tế số vật phẩm hỏng, không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, không bán được, khó bảo quản nên cần chấp nhận việc thu giữ và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 đoạn dây thừng màu xanh dài 03m; 01 đoạn dây thừng màu trắng đục dài 1,6m và 01 sợi dây thừng màu xanh dài 34cm là vật dụng của chị Đinh Thị C, chị C xác định vật không có giá trị, không nhận lại nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

01 con dao mũi bằng và 01 đèn pin là vật dụng của bị cáo Đinh Văn S, bị cáo đã sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, vật dụng cũ, không còn giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[11] Về trách nhiệm dân sự: gia đình bị cáo, bị hại Đinh Thị C đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại về tài sản là 01 con bò có giá trị tương đương con bò bị chiếm đoạt (11.880.000VNĐ), chị C đã nhận và không yêu cầu đề nghị gì thêm, không ai đề nghị ghi nhận việc thỏa thuận.

[12] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo nhưng bị cáo không có đơn, không đề nghị xin miễn nộp tiền án phí. Do đó, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đinh Văn S phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Đinh Văn S 05(Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, giam (17/02/2018); không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

Chấp nhận Công an xã C, huyện B, tỉnh Sơn La đã thu giữ và tiêu hủy 64 kg vật phẩm (da thịt, xương) còn lại của con bò.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 đoạn dây thừng màu xanh dài 03m; 01 đoạn dây thừng màu trắng đục dài 1,6m và 01 sợi dây thừng màu xanh dài 34cm của chị Đinh Thị C; 01 con dao mũi bằng và 01 đèn pin của Đinh Văn S.

(Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/5/2018 giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đinh Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000VNĐ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/6/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- CA huyện B (CSDT, THAHS, nơi giam);
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hoà